

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2017/HSST

Ngày: 10/7/2017.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thanh Vân – Giáo viên hưu trí Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Thái Thục Hiền – Cán bộ hưu trí Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Đạt – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 194/2017/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Tổng Hoàng N; giới tính: Nam; sinh ngày: 22/7/1999; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Tổng Hoàng D và bà Huỳnh Thị Cẩm T; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2017, chuyển sang tạm giam từ ngày 08/01/2017 cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Tổng Hoàng D, sinh năm: 1972 và bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm: 1973; cùng nơi cư trú: Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa: Bà Lê Thị Ngọc N1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Nguyễn Viết H, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Âu Dương Lâm, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Chị Lê Thị Diệu H1, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Nguyễn Thị Thập, KP 4A, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Anh Đặng Quốc H2, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Tống Hoàng N bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố hành vi phạm tội như sau:

Tống Hoàng N và Lê Thanh C có quen biết từ trước. Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 02/01/2017 C rủ N đi uống cà phê tại Quận 4, N đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59C2-309.59 đi cùng. Sau khi uống cà phê, C rủ N đến nhà người quen tại hẻm 154 Âu Dương Lâm, Phường 3, Quận 8, N đồng ý và giao xe mô tô trên cho C chở, khi C đi đến hẻm số 118 Âu Dương Lâm, C phát hiện anh Nguyễn Viết H đang đi bộ trong hẻm, trên tay cầm điện thoại di động hiệu Samsung A5 màu vàng, C nói N giật điện thoại của anh H nhưng N nói không biết giật thì C chạy xe ra đầu hẻm 118 Âu Dương Lâm dừng xe nói N điều khiển xe chở C để C giật, N đồng ý và điều khiển xe chạy theo anh H, khi đến trước nhà số 102/50E Âu Dương Lâm, N cho xe ép sát vào bên trái anh H và C dùng tay phải giật được chiếc điện thoại của anh H, N tăng ga xe chở C nhanh chóng tẩu thoát. Bị cướp giật tài sản, anh H tri hô và đuổi theo, được sự hỗ trợ của anh Võ Tuấn K, Võ Thanh T nên khi N, C chạy xe được khoảng 100 mét thì va chạm với xe khác (không xác định) làm cả 02 xe té ngã, anh K, anh T bắt giữ được N cùng phương tiện gây án, còn anh H tiếp tục truy đuổi C thì C vứt lại điện thoại và chạy thoát nên anh K, anh T và anh H giải giao N về trụ sở Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận 8 điều tra, xử lý.

Ngày 02/02/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A5 màu vàng có giá trị 3.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công an Quận 8 đã lập biên bản trao trả chiếc điện thoại trên cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì.

Đối với xe mô tô biển số 59C2-309.59 qua xác minh do Lê Thị Diệu H1 đứng tên trong giấy đăng ký xe. Tháng 11/2016 chị H1 bán xe trên cho anh Đặng Quốc H2 nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 02/01/2017 Tống Hoàng N mượn xe trên của anh H2 (N gọi H2 là dượng) đi chơi sau đó dùng làm

phương tiện phạm tội, anh H2 không biết, nên Công an Quận 8 đã lập biên bản trao trả xe trên cho anh H2.

01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S tạm giữ của N không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 09/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Tổng Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136, điểm g, p khoản 1 Điều 46, các khoản 1, 2 Điều 60, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S tạm giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Người bào chữa trình bày: Đồng ý quan điểm của kiểm sát viên. Bị cáo là người dưới 18 tuổi, bị cáo phạm tội là do bị người khác rủ rê, lôi kéo và bị cáo đã bị tạm giam hơn 06 tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa, Tổng Hoàng N thừa nhận: Khoảng 12 giờ ngày 02/01/2017, tại hẻm 118 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, N điều khiển xe chở Lê Thanh C để C giật điện thoại SamSung A5 màu vàng của anh Nguyễn Viết H đang đi bộ. Sau khi giật xong thì N tăng ga tẩu thoát.

Qua định giá, điện thoại SamSung A5 màu vàng trị giá 3.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã nhanh chóng chiếm đoạt tài sản một cách công khai, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo dùng xe gắn máy giật tài sản của người bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại, người đi đường, đây là thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt của bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với Lê Thanh C, theo bị cáo khai là người trực tiếp cướp giật, hiện không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ nào khác xác định C là đồng phạm với bị cáo, Công an Quận 8 đã có thông báo truy tìm C khi nào bắt được sẽ làm rõ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S tạm giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Tổng Hoàng N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, các điểm g, p khoản 1 Điều 46, các khoản 1, 2 Điều 60, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Tổng Hoàng N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 02/01/2017 đến ngày 10/7/2017 là 06 (sáu) tháng 08 (tám) ngày, nên mức hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 22 (hai mươi hai) ngày. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Tổng Hoàng N nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động Iphone 5S, có số Imei: 358757058292775.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 119/PNK ngày 04/5/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8).

Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Đội CSBV&HTTP, NTG Quận 8;
- Đội CSĐT THCA Quận 8;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (15)

**Huỳnh Bá Hiệp**